

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Trần Thị N

2.Ông Hà Minh T

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Th-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:154/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn:*** chị Trần Thị B, sinh năm 1980.

Trú tại: ấp Hiệp Thành, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: số 12/1 đường 868, phường B, thị xã CL, tỉnh TG.

2. ***Bị đơn:*** anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1978.

Cư trú: ấp Hiệp Thành, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh Đ chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2005 tại thị xã CL, tỉnh TG. Trong

thời gian này chung sống đầm ấm, đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn kinh tế gay gắt nhưng được 02 bên gia đình hàn gắn không thành. Nay chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Đ Ngh, sinh ngày 14/7/2006, sau khi ly hôn chị xin được nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Anh Đ trình bày: Ngày 17/7/2020 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án số:145/2020/TB-TLVA ngày 14/7/2020 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Ngoài ra ngày 03/8/2020 Tòa án tiến hành niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến của đương sự trong vụ án, nhưng anh Đ không có ý kiến hay văn bản gì, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Anh Đ có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TG là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nay xảy ra tranh chấp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1 *Về hôn nhân:*

Chị B và anh Đ không có tình cảm, nhưng được gia đình hai bên sắp xếp và tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn chị B về sống bên gia đình anh Đ tại ấp Hiệp Thành, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu chị B và anh Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân chị B trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Đ không hợp tính tình và không cùng quan điểm sống, còn anh Đ trình bày thời gian sống chung hàng ngày hai bên không thống nhất cách làm ăn, cũng như không có tiếng nói chung với nhau, nên chị B bỏ về cha mẹ ruột sinh sống.

Xét thấy trong thời gian đầu chung sống giữa chị B và anh Đ sống có hạnh phúc, nhưng không được hòa thuận, còn trong cuộc sống chị B và anh Đ thường có ý kiến đối lập không cùng quan điểm với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Ngoài ra việc mâu thuẫn tình cảm giữa chị B và anh Đ được hai bên gia đình cha mẹ giàn xếp và hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm với nhau, nên chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2020 đến nay. Từ đó cho thấy tình cảm giữa chị B và anh Đ không còn hàn gắn được nữa và mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tại phiên tòa chị B và anh Đ đồng ý tự nguyện thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị B và anh Đ là phù hợp.

2.2 Về con chung: Tại phiên tòa chị B và anh Đ thống nhất trong thời gian chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Đ Ngh, sinh ngày 14/7/2006. Xét thấy chị B và anh Đ có 01 con chung, trong thời gian hai bên xảy ra mâu thuẫn thì cháu Ngh chung sống với chị B và tại bản tự khai ngày 24/4/2018 và ngày 20/4/2020 cháu Ngh nguyện vọng xin sống với mẹ (chị B), tại phiên tòa anh Đ đồng ý giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014 công nhận việc thỏa thuận nuôi con giữa chị B với anh Đ và chị B được quyền nuôi con Nguyễn Đ Ngh là phù hợp.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị B không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét nghĩa vụ của anh Đ về việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị B và anh Đ thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Tại phiên tòa chị B và anh Đ trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; anh Đ không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Ngh Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Anh Đ.

2. Về con chung: Chị Trần Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đ Ngh, sinh ngày 14/7/2006 (hiện nay đang sống với chị B), anh Nguyễn Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 0001036 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- UBND thị xã CL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H